

Quá trình "Đổi Mới" hoặc cải cách kinh tế ở Việt Nam được khởi đầu từ năm 1986 đến nay đã được trên một thập kỷ bao gồm 5 lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- **Đổi mới cơ chế quản lý từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường** có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, các hoạt động doanh nghiệp mang tính hành chính quan liêu đã được thay thế bằng sự tự chủ về tài chính và chịu trách nhiệm về hiệu quả.

- **Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và nhiều hình thức sở hữu khác nhau.** Các doanh nghiệp nhà nước sắp xếp lại, giảm dần về số lượng trong khi các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp cổ phần và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không ngừng tăng lên.

- **Đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế và thương mại** với các tổ chức và các quốc gia trên thế giới

- **Cải cách hệ thống tài chính, tiền tệ.** Đang đẩy nhanh việc xây dựng thị trường vốn và thị trường chứng khoán.

- **Cải cách hệ thống hành chính** từ bộ máy Nhà nước cho đến các loại thủ tục nhằm minh bạch, công khai hóa và thuận lợi hóa các hoạt động kinh tế thương mại.

Nhờ những cải cách kiên trì, sâu rộng và liên tục trên đây mà nền kinh tế Việt Nam đã đạt được những thành quả nổi bật:

- **Tốc độ tăng trưởng GDP** đạt cao và ổn định, trung bình 8,4% trong các năm 1991-1996; 8,15% năm 1997. Do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính khu vực và thiên tai nặng nề, tốc độ tăng trưởng GDP đã bị giảm chỉ còn 5,83% năm 1998 và chưa có

tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện chiếm khoảng 30% tổng số vốn đầu tư xã hội và góp khoảng 10% vào tăng trưởng GDP.

Đa dạng hóa và đa phương hóa các mối quan hệ kinh tế với nước ngoài là một trong những thành tựu nổi bật của chính sách "Đổi Mới". Đến nay Việt Nam đã có quan hệ thương mại với trên 100 quốc gia và khu vực, trở thành thành viên của

ASEAN năm 1995 và APEC năm 1998. Việt Nam cũng tham gia tích cực vào các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác Á - Âu (ASEM) và đang trong quá trình chuẩn bị những bước cơ bản để gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Hoạt động ngoại thương Việt Nam trong hơn một thập kỷ qua đã có những tiến bộ vượt bậc cả về số lượng lẫn về

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TẠI THỊ MỸ LINH

dấu hiệu tăng cao hơn trong năm nay.

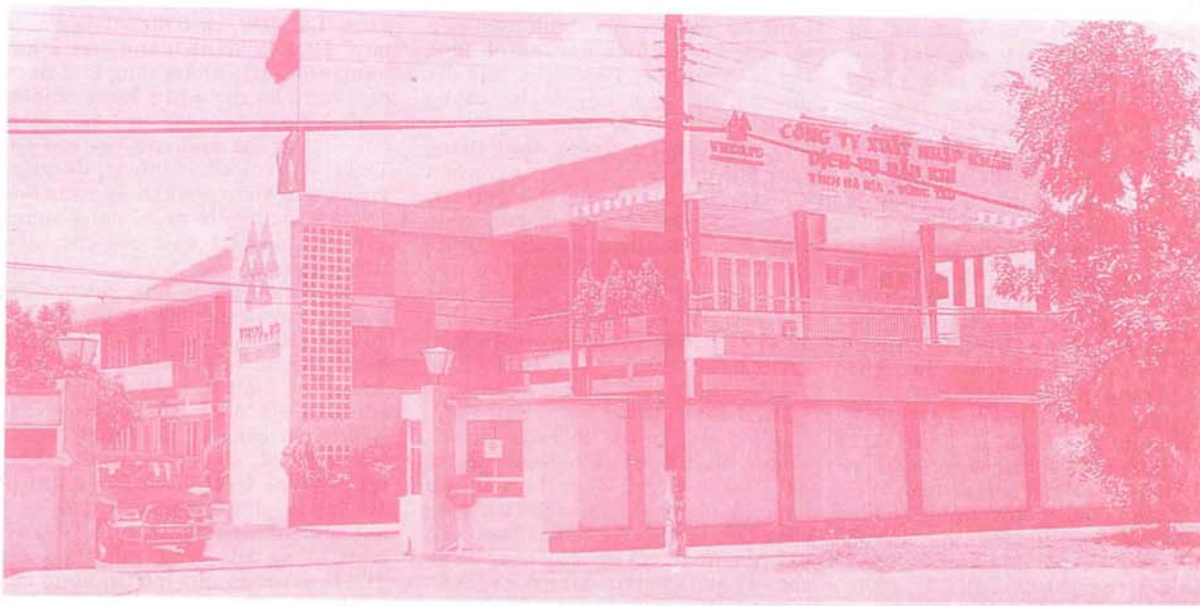
- **Lạm phát** trên 700% năm 1986, 400% năm 1988 đã được kiểm soát một cách có hiệu quả và được khống chế dưới 10% từ năm 1992 đến nay.

- **Thu hút vốn đầu tư trực tiếp** từ nước ngoài tính hết năm 1998 (không kể các dự án đã kết thúc thời hạn hoạt động hoặc bị hủy bỏ) đạt trên 33

chất lượng. Từ chỗ chủ yếu chỉ trao đổi hàng hóa với các nước thuộc Liên Xô cũ và một số nước Đông Âu trên cơ sở các hiệp định do Chính phủ ký kết và giao cho một số công ty ngoại thương nhà nước độc quyền thực hiện đến nay Việt Nam đã trở thành một trong những nước có mức độ mở cửa với thương mại thế giới cao. Tốc độ tăng bình quân hàng năm của ngoại thương là 28% giai đoạn 1992-1996. Tuy vậy, từ cơ cấu kim ngạch xuất khẩu dễ dàng nhận ra rằng Việt Nam là một nước nghèo, tỷ lệ các sản phẩm thô chưa qua chế biến (khoáng sản, dầu thô, nông-lâm-thủy sản ...) chiếm 66% và giá trị xuất khẩu bình quân đầu người mới đạt 95USD trong các năm 1991-1995. Từ 1995 trở lại đây, tỷ lệ hàng công nghiệp nhẹ (chủ yếu là giày dép và dệt may) đã tăng đáng kể, song nhìn chung tỷ lệ hàng hóa chế biến có giá trị gia tăng cao còn rất thấp.

Tính đến cuối 1998, các nước Đông Nam Á và Đông Bắc Á, đứng đầu là Nhật Bản, là các bạn hàng truyền thống lớn nhất của Việt Nam chiếm khoảng 51% tổng kim ngạch xuất khẩu, kế đó là EU (24%). Cùng giai đoạn này, nhập khẩu của Việt Nam từ Châu Á chiếm 68,7%, EU 13%. Riêng với Hoa Kỳ, từ sau khi





lệnh cấm vận Việt Nam được dỡ bỏ, quan hệ thương mại giữa hai nước đã tăng lên đáng kể, năm sau gấp đôi năm trước : 225 triệu USD (1994) , 450 triệu USD (1995), 935 triệu USD (1996) và đến nay đạt trên 1 tỷ USD. Hiệp định thương mại song phương – những thỏa thuận trên nguyên tắc giữa Việt Nam và Hoa Kỳ - cũng đã được ký kết và công bố tại cuộc họp báo chung tại Hà Nội ngày 30.7 vừa qua. Lễ ký chính thức Hiệp định này nếu thuận lợi có thể sẽ diễn ra vào cuối tháng 8.1999 và tiếp theo đó Hiệp định sẽ được Quốc hội Hoa Kỳ xem xét phê chuẩn. Theo trình tự pháp lý nước ta, Hiệp định trước hết sẽ được Chủ tịch nước phê chuẩn và trong trường hợp cần thiết mới phải thông qua Quốc hội. Một khi những thủ tục cuối cùng này được thông qua thì hai nước có thể chính thức trao cho nhau quy chế thương mại bình thường. Chúng ta hy vọng các mối quan hệ thương mại bình thường giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sẽ được thiết lập trước thềm thiên niên kỷ mới.

Song song với việc không ngừng mở rộng thị trường và thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu, trong nhiều năm qua Việt Nam đã có những đổi mới rất cơ bản trong chính sách và cơ chế thương mại.

Từ 1998 đến nay, Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách tự do hóa trong nội thương và ngoại thương, song quan trọng nhất và đáng chú ý nhất gần đây là Luật Thương mại được Quốc hội Việt Nam thông qua tháng 5.1997 và tiếp đó là Nghị định 57 của Chính phủ Việt Nam ngày 31.7.1998. Việc ban hành hai văn bản pháp luật nói trên đánh dấu bước

phát triển quan trọng trong công tác lập pháp liên quan đến thương mại với nước ngoài, cho phép các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (nhà nước cổ phần và tư nhân,...) đều được tham gia hoạt động xuất nhập khẩu trong phạm vi đăng ký kinh doanh của họ, đồng thời bãi bỏ các giấy phép xuất nhập khẩu cùng với những yêu cầu về vốn tối thiểu và những điều kiện khác.

Cơ chế điều hành xuất nhập khẩu cũng đã có nhiều thay đổi theo hướng tích cực, như mở rộng các điều kiện ưu đãi về xuất khẩu, việc điều chỉnh tỉ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh (chủ yếu là USD) có linh hoạt hơn. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn cần tiếp tục cải cách các chính sách và các quy định liên quan đến thương mại quốc tế nhất là về thuế, thuế quan và hàng rào phi thuế quan,... cùng với những thủ tục hành chính rườm rà trong nhiều khâu, đặc biệt là hải quan,... theo hướng đơn giản, thuận lợi cho các hoạt động thương mại quốc tế.

Trong khuôn khổ AFTA của ASEAN, Việt Nam đã cam kết mở cửa thị trường và cắt giảm thuế quan vào năm 2006. Với APEC, thời hạn thực hiện các cam kết chậm nhất là 2020. Việc đàm phán để gia nhập WTO giai đoạn hiện nay cũng đặt ra những điều kiện khó khăn hơn nhiều so với các nước đang phát triển đã là thành viên của WTO trước đây.

Không nghi ngờ gì nữa, hội nhập quốc tế mạnh mẽ chắc chắn sẽ đem lại cho Việt Nam nhiều lợi ích, mở ra nhiều khả năng hợp tác song phương, đa phương trên các lĩnh vực phát triển thương mại, thu hút đầu tư,

chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... giúp cho Việt Nam tham gia tích cực hơn vào sự phân công lao động quốc tế và cơ chế hợp tác trong quá trình toàn cầu hóa.

Bên cạnh những thuận lợi nói trên, Việt Nam cũng đang đứng trước những thách thức lớn trước hết là sự hoạch định chính sách kinh tế thương mại ở tầm vĩ mô làm sao để nền kinh tế có thể phát triển bền vững trong một môi trường pháp lý và kinh doanh ổn định. Bộ máy hành chính và quản lý kinh tế thương mại phải được cơ cấu lại cho gọn nhẹ và có hiệu năng, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được yêu cầu mới về kỹ năng công nghệ và kinh nghiệm quản lý. Những ưu tiên hàng đầu có tầm quan trọng đặc biệt là phải nhanh chóng xây dựng chiến lược, điều chỉnh cơ cấu và nâng cao năng lực cạnh tranh. Những chính sách cụ thể phải tập trung giải quyết từng bước vững chắc sớm là: các biện pháp để thực hiện nguyên tắc đối xử quốc gia tối huệ quốc, lịch trình cắt giảm thuế quan một cách hợp lý và loại bỏ các rào cản phi thuế quan (NTBs), các hạn chế về số lượng (QRs), lựa chọn những biện pháp bảo hộ có điều kiện, có thời hạn đối với một số sản phẩm và dịch vụ... Và cuối cùng là việc thực hiện các nguyên tắc minh bạch và công khai hóa.

Thách thức và khó khăn rõ ràng là rất lớn, song Việt Nam đã, đang và sẽ nỗ lực để thực hiện đầy đủ những cam kết song phương và đa phương, đưa thương mại Việt Nam sang một trình độ và giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ XXI ■